TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thúy Kiều**.

Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Trân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Dương Hồng Thủy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị Thu X**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Lâm A**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Thu X trình bày:***

Bà Lâm Thị Thu X cùng ông Lâm A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng bà Lâm Thị Thu X cùng ông Lâm A được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2012 quyển số 01/2012 ngày 09/5/2012.

Bà Lâm Thị Thu X xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Việc xung đột gia đình đã xảy ra không thể hòa giải, hàn gắn được. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân trên một năm.

Bà Lâm Thị Thu X xác định vợ chồng có hai người con chung tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022, hiện đang sống cùng bà Lâm Thị Thu X. Bà Lâm Thị Thu X và ông Lâm A không có tài sản chung và nợ chung.

Nay Bà Lâm Thị Thu X yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu X yêu cầu được ly hôn với ông Lâm A.

- Về con chung: Bà Lâm Thị Thu X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022 và không yêu cầu ông Phạm Hồng Hải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lâm Thị Thu X đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân tên Lâm Thị Thu X (bản đối chiếu);

+ Trích lục khai sinh tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022;

+ Giấy chứng nhận kết hôn;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Lâm A. Nhưng ông Lâm A thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh, hiện tại ông Lâm A vẫn còn đăng ký thường trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Lâm A không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013. Theo đó, cháu Lâm Chí D đã đưa ra nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Lâm Thị Thu X vẫn giữa nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lâm A, yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lâm A vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Thu X đối với ông Lâm A. Giao con chung tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022 cho bà Lâm Thị Thu X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ông Lâm A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sống ở cùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 20/10/2023, bà Lâm Thị Thu X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm A có nơi cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị Thu X về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu X cùng ông Lâm A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/2012 quyển số 01/2012 ngày 09/5/2012. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Thu X và ông Lâm A là hợp pháp.

[2.2] Theo trình bày của bà Lâm Thị Thu X: Sau khi kết hôn vợ chồng bà Lâm Thị Thu X, ông Lâm A chung sống ấp Bưng Long, xã B. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2022 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm A không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Lâm Thị Thu X đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Lâm Thị Thu X, ông Lâm A hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Lâm A đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thu X cho bà Lâm Thị Thu X được ly hôn với ông Lâm A.

[2.3] Về con chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Lâm Thị Thu X và ông Lâm A có hai người con chung tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022. Hiện nay con chung do bà Lâm Thị Thu X, ông Lâm A cùng nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022 thể hiện là con chung của bà Lâm Thị Thu X, ông Lâm A.

[2.4] Xét ý kiến của bà Lâm Thị Thu X về việc bà yêu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022 hiện nay đang được bà Lâm Thị Thu X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Lâm Chí D đã có nguyện vọng sống cùng với mẹ và tại phiên tòa bà Lâm Thị Thu X vẫn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022 cho bà Lâm Thị Thu X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị Thu X xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Lâm A phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] Bên cạnh đó ông Lâm A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lâm Thị Thu X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Tuy nhiên bà Lâm Thị Thu X thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nên được xem xét chấp nhận miễn án phí theo quy định. Ông Lâm A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lâm Thị Thu X, ông Lâm A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thu X.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Thu X được ly hôn với ông Lâm A.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lâm Chí D, sinh ngày 15/3/2013 và Lâm Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2022 cho bà Lâm Thị Thu X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Lâm A không phải cấp dưỡng cho con. Ông Lâm A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lâm Thị Thu X xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Thu X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Lâm Thị Thu X thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn

án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nên được xem xét chấp nhận miễn án phí theo quy định. Ông Lâm A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị Thu X có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Lâm A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S Ơ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc